ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO CỦA TỪ NGỮ NGHỀ CHÈ TRONG TIẾNG VIỆT

Lê Thị Hương Giang*
Trường Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Bài viết đề cập đến từ ngữ gọi tên nghề chè trong tiếng Việt xét về mặt cấu tạo. Về mặt cấu tạo, có thể phân biệt từ ngữ nghề chè thành hai nhóm: từ (từ đơn và từ ghép) và cụm từ. Nhóm từ (từ đơn và từ ghép) trong nghề chè phần lớn là những từ thuộc từ vựng chung của tiếng Việt, ví dụ: *chè, sâu, rầy, sàng, chảo, nụ, lá, hái, phơi,…* Có một số lượng ít là từ ghép chủ yếu có nguồn gốc Hán Việt (*hồng trà, tân trà, bạch trà, hảo hạng, thượng hạng,…*). Các cụm từ nghề chè có cấu tạo là cụm từ chính phụ chiếm một tỉ lệ tương đối cao. Những cụm từ thường do nhiều thành tố từ ghép lại với nhau, là tên gọi có tính chất lâm thời, chỉ tồn tại trong ngữ cảnh cụ thể. Chúng có chức năng định danh thông qua các thành tố miêu tả.

Từ khóa: *đặc điểm, cấu tạo, từ ngữ, nghề chè, tiếng Việt.*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ ngữ nghề chè là một bộ phận quan trọng, góp phần bổ sung và làm phong phú vốn từ ngữ nghề nghiệp nói riêng và từ ngữ trong tiếng Việt nói chung. Bên cạnh những đặc điểm chung của từ vựng tiếng Việt, đặc điểm nổi bật của lớp từ vựng nghề nghiệp nói chung và từ vựng nghề chè nói riêng là sự xuất hiện của nó gắn với một nghề nghiệp nhất định.

Trong phạm vi bài viết, chúng tôi phân tích và chỉ ra đặc điểm cấu tạo của các từ ngữ nghề chè trong tiếng Việt.

THỐNG KÊ TƯ LIỆU

Trong tổng số 1706 đơn vị từ ngữ nghề chè trong tiếng Việt mà chúng tôi thu thập được, chúng tôi tiến hành phân chia về phương diện cấu tạo như sau:

Bảng 1. *Từ ngữ nghề chè trong tiếng Việt xét theo hình thức cấu tạo*

TT	Loại			Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Từ	172 (10.08)	Từ đơn	134	*7,85*
			Từ ghép	38	*2,23*
2	Cụm từ	1534 (89.92)	Cụm danh từ	1036	*60,73*
			Cụm động từ	309	*18,11*
			Cụm tính từ	189	*11,08*
	Tổng			**1706**	**100,00**

Từ kết quả nêu trên, chúng tôi nhận thấy: Trong vốn từ thuộc nghề chè trong tiếng Việt, cụm từ chiếm số lượng rất lớn (1534/1706 đơn vị, chiếm 89,92%), trong đó, cụm danh từ chiếm số lượng lớn nhất (1036/1706 đơn vị, chiếm 60,73%), cụm tính từ chiếm số lượng thấp nhất (189/1706 đơn vị, chiếm 11,08%). Từ chiếm số lượng ít hơn (172/1706 đơn vị, chiếm 10,08%), trong đó từ đơn chiếm số lượng là 134/1706 đơn vị, chiếm 7,85 %, từ ghép chiếm số lượng 38/1706 đơn vị, chiếm 2,23%. Để làm rõ đặc điểm cấu trúc của từ ngữ nghề chè trong tiếng Việt, chúng tôi lần lượt phân tích từng kiểu đơn vị này.

ĐẶC ĐIỂM CỦA CÁC TỪ NGỮ NGHỀ CHÈ TRONG TIẾNG VIỆT CÓ CẤU TẠO LÀ TỪ

Dựa theo quan điểm của một số nhà nghiên cứu về từ khi cho rằng hình vị là đơn vị cấu tạo từ, trong phạm vi khảo sát của bài viết, chúng tôi nhận thấy các đơn vị định danh nghề chè trong tiếng Việt là từ tuy không phong phú bằng cụm từ nhưng là đơn vị hạt nhân của trường từ vựng.

Đơn vị định danh là từ đơn

Từ đơn được hiểu là những từ được cấu tạo bằng một hình vị. Tác giả Đỗ Hữu Châu đã nêu: "*Về mặt ngữ nghĩa chúng không lập thành những hệ thống có một kiểu ngữ nghĩa chung. Chúng ta lĩnh hội và ghi nhớ nghĩa*

* *Tel: 0989090076; Email: lehuonggiang.dhsptn@gmail.com*

của từng từ một riêng rẽ. Kiểu cấu tạo không đóng vai trò gì đáng kể trong việc lĩnh hội ý nghĩa của từ" [2, tr.39].

Trong tổng số 1706 từ ngữ nghề chè được thu thập, từ đơn chiếm số lượng 134 đơn vị và tần số xuất hiện không đều nhau ở các lớp từ. Lớp từ chỉ giống (loại) cây chè và các bộ phận của cây chè là lớp từ đơn xuất hiện nhiều nhất (39/1706 đơn vị, chiếm 2.29%). Lớp từ chỉ công cụ, thiết bị trồng và chăm sóc chè có số lượng lớn thứ hai (29/1706 đơn vị, chiếm 1.7%. Tiếp theo là các lớp từ xuất hiện với tần suất trung bình như: lớp từ chỉ thổ nhưỡng, trồng và chăm sóc chè (17/1706 đơn vị, chiếm 1.0%); lớp từ chỉ tên dụng thưởng trà và màu sắc, mùi vị của sản phẩm chè (16/1706 đơn vị, chiếm 0.94%); lớp từ chỉ dụng cụ, máy móc thu hái và chế biến chè (13/1706 đơn vị, chiếm 0.76%); lớp từ chỉ các loại bệnh của cây chè (12/1706 đơn vị, chiếm 0.7%); lớp từ chỉ các loại côn trùng gây hại cho chè (8/1706 đơn vị, chiếm 0.46%). Không xuất hiện từ đơn thuộc: lớp từ chỉ tên các sản phẩm được làm từ cây chè; lớp từ chỉ tên cơ sở sản xuất, chế biến chè và lớp từ chỉ tác dụng của cây chè.

Các từ đơn đều thuộc lớp từ vựng cơ bản, có nguồn gốc thuần Việt và dùng để gọi tên sâu bệnh, thiết bị, công cụ thiết bị sản xuất, bộ phận cây chè, các hoạt động sản xuất chè. Trong đó, những từ đơn thuộc nghề chè nói chung có số lượng lớn (*sâu, rầy, rệp, cuốc, dao, hoa, lá, cành, rễ, gốc, quả, nụ,…*) và từ đơn thuộc nghề chè trong từng vùng/địa phương trồng chè có số lượng nhỏ (*bề, cở, bứng*). Chỉ có 1 từ đơn có nguồn gốc Hán Việt chỉ "*lá của cây chè đã sao, đã chế biến, để pha nước uống*" (trà) [5.tr 77].

Đơn vị định danh là từ ghép

Qua khảo sát và phân loại từ ngữ chỉ nghề chè trong tiếng Việt xét theo cấu tạo là từ ghép, chúng tôi thu được kết quả là 38 từ ghép, trong đó có: 31/ 1706 đơn vị là từ ghép chính phụ, chiếm 1,81% và 7/1706 đơn vị là từ ghép đẳng lập, chiếm 0,41%.

Các từ ghép chính phụ đều là các từ có nguồn gốc Hán Việt. Ví dụ: *hồng trà, bạch trà, thượng hạng, thanh trà,…* Các từ ghép này đều là từ ghép chính phụ. Với đặc điểm cấu trúc là: thành tố phụ đứng trước thành tố chính đứng sau.

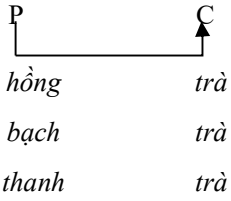

Đặc điểm ngữ nghĩa của lớp từ ghép chính phụ là: thành tố thứ nhất (đứng trước) biểu thị thuộc tính khu biệt của sự vật, quá trình hay tính chất do thành tố thứ nhất biểu thị. Những thành tố còn lại (đứng sau) bao giờ cũng biểu thị ý nghĩa phạm trù giữa vai trò chính, vai trò trung tâm. Hệ quả ngữ nghĩa quan trọng nhất của quá trình kết hợp này là sự chuyên biệt hóa về nghĩa cho cả từ ghép.

Từ ghép đẳng lập có số lượng rất ít. Kết quả thống kê cho thấy chỉ có 7/38 đơn vị trong số các từ ghép. Ví dụ: *cào xới, thân cành, vỏ thân, hoa lá, cành lá,…*

Đặc điểm của từ ngữ nghề chè trong tiếng Việt có cấu tạo là cụm từ

Diệp Quang Ban cho rằng: "*Cụm từ là những kiến trúc gồm hai từ trở lên kết hợp tự do với nhau theo những quan hệ ngữ pháp hiển hiện nhất định và không chứa kết từ ở đầu (để chỉ chức vụ ngữ pháp của kiến trúc này)*" [1,tr.6].

Chúng tôi quan niệm: đối với cụm từ thì mỗi thành tố trực tiếp trong cấu trúc của chúng là một từ; đối với từ ghép thì thành tố trực tiếp trong cấu trúc của chúng là hình vị (tiếng).

Kết quả thống kê khảo sát cho thấy các sản phẩm chè được gọi tên bằng cụm chiếm số lượng lớn, gồm 1534/1706 đơn vị, chiếm 89.92%. Trong đó, cụm danh từ xuất hiện 1036/1706 đơn vị, chiếm 60.73%; cụm động từ xuất hiện 309/1706 đơn vị, chiếm 18.11%; cụm tính từ xuất hiện 189/1706 đơn vị, chiếm 11.08%. Hầu hết các cụm từ đều có cấu tạo

theo cấu trúc chính phụ. Ví dụ: *chè Tân Cương thượng hạng, chè Phúc Vân Tiên, chè đặc sản 3 sao, chè bán thành phẩm, chè đen sơ chế, chè kinh doanh, chè kiến thiết,…*

Xét về số lượng các thành tố trong cụm, cụm định danh nghề chè trong tiếng Việt gồm 8 nhóm. Kết quả cụ thể như bảng 2:

Bảng 2. *Các cụm định danh nghề chè trong tiếng Việt xét theo số lượng thành tố*

TT	Loại cụm từ	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Cụm định danh 2 thành tố	468	27,43
2	Cụm định danh 3 thành tố	700	41,03
3	Cụm định danh 4 thành tố	245	14,36
4	Cụm định danh 5 thành tố	73	4,28
5	Cụm định danh 6 thành tố	36	2,11
6	Cụm định danh 7 thành tố	6	0,35
7	Cụm định danh 8 thành tố	3	0,01
8	Cụm định danh 9 thành tố	3	0,01
	Tổng	**1534**	**89,92**

Kết quả phân tích cho thấy: trong số 1534 cụm từ nghề chè trong tiếng Việt đại đa số đều là những cụm từ chính phụ có từ hai thành tố trở lên: một thành tố trung tâm đứng làm nòng cốt, các thành tố khác được ghép vào với vai trò thứ yếu, bổ sung cho trung tâm. Cụm từ nghề chè có thể có từ 2 đến 9 thành tố. Tuy nhiên, thực tế phân tích cho thấy chỉ các cụm từ có cấu tạo từ 2 đến 6 thành tố thì mới được cấu tạo theo những mô hình nhất định, nghĩa là chúng ta mới xác định được những mô hình cấu tạo phổ biến của chúng. Các cụm từ có cấu tạo từ 6 thành tố trở lên thường mang tính chất cụm từ kết hợp tự do nên rất đa dạng, khó quy chúng vào mô hình cấu tạo nhất định. Do vậy, chúng tôi sẽ chỉ trình bày các mô hình cấu tạo của các đơn vị chỉ nghề chè trong tiếng Việt là cụm từ có từ 2 đến 6 thành tố.

Cấu tạo của các đơn vị chỉ nghề chè trong tiếng Việt là cụm từ 2 thành tố

Theo kết quả khảo sát, chúng tôi xác định được 468 đơn vị chỉ nghề chè là cụm từ gồm 2 thành tố.

Xét về từ loại: cụm danh từ hai thành tố là nhóm có số lượng lớn nhất trong cụm từ 2 thành tố với 346/1706 đơn vị, chiếm 20.28%. Ví dụ*: búp mới, cành nách, cây bụi, hoa chè, cành chè, quả chè, rễ phụ, rễ cọc, tán chè, ngọn chè,...* Cụm định danh 2 thành tố có động từ là thành tố trung tâm gồm 75/ 1706 đơn vị, chiếm 4.4% trong tổng số các đơn vị định danh 2 thành tố. Ví dụ: *bấm ngọn, tỉa cành, vun luống, cắt hom, đốn chè, đốn phớt, đốn đau, đốn thủ công, đào rãnh, đánh gốc, ngắt nụ,...* Ít nhất là cụm định danh 2 thành tố có tính từ làm thành tố trung tâm, chỉ có 47/1706 đơn vị, chiếm 2.75%: *khô cành, nhăn lá, vàng lá,...*Như vậy, những cụm từ có cấu tạo 2 thành tố chủ yếu gọi tên sự vật trong nghề chè.

Xét về nguồn gốc: các cụm từ hai thành tố được cấu tạo từ các từ có nguồn gốc khác nhau: thuần Việt, ngoại lai (Hán Việt, mượn Ấn Âu): Có 402 cụm từ có nguồn gốc thuần Việt: *búp điếc, cành nách, búp tươi, cây già, hoa chè, cuống hoa, mầm ngọn, nụ chè,…;* Có 14 cụm từ ghép các đơn vị thuần Việt + mượn Ấn Âu: *nấm pestalozzia, nấm exsobasudumvexans, bọ titan, bọ hofmany, nấm Colletotrichum thaee sinensis, nấm Rosellinia necatrix Berl,…;* Có 52 cụm từ ghép các thành tố Hán Việt: *Trúc Lâm trà, Bát Tiên trà, Bạch Ngọc trà, Lan Đình trà, Phúc Lộc trà,,…*

Mô hình cấu tạo cụm có 2 thành tố: Các cụm từ 2 thành tố đều là các tổ hợp chính phụ với trật tự chính rước-phụ sau.

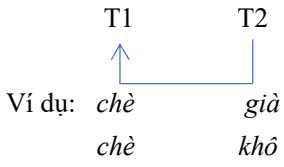

Cấu tạo của các đơn vị chỉ nghề chè trong tiếng Việt là cụm từ 3 thành tố

Khảo sát 1534 cụm từ, chúng tôi thu được 700 cụm từ có cấu tạo gồm ba thành tố. Ví dụ: *mầm chè mới, tán chè mới, vỏ sành cứng, đốn tạo tán, máy cắt chè, nuôi hom chè, trà Tân Cương green, trà Tân Cương silver, trà oolong cao cấp,…*

Xét về từ loại: những đơn vị này chủ yếu là cụm danh từ: 581 đơn vị, chiếm 83,00%; cụm động từ có 119 đơn vị, chiếm 17,00%, không có cụm tính từ.

Xét về nguồn gốc: có thể phân loại các cụm từ này như sau: Có 496 cụm từ thuần Việt: *bọ cánh hoa, cành cấp một, cành chè nhỏ, hạt nứt nanh, tán chè mới, đất trồng chè,…;* Có 203 cụm từ Hán Việt, Hán Việt + thuần Việt, thuần Việt + Hán Việt + Ấn Âu: *trà Shan tuyết tiểu yêu, trà Tân Cương long ẩm, trà Shan hảo hạng, trà Tân Cương nhất phẩm, trà Tân Cương gold,…;* Có 1 cụm từ có nguồn gốc từ các thành tố Ấn Âu: *gun – powder tea (trà "thuốc súng").*

Mô hình cấu tạo cụm từ 3 thành tố: Theo thống kê của chúng tôi, có 700 cụm từ 3 thành tố được cấu tạo theo 4 mô hình khác nhau.

* Mô hình 3.1: Đây là mô hình cấu tạo của 532 cụm từ nghề chè (31.18%). Theo mô hình này, cụm từ có cấu trúc 2 bậc.

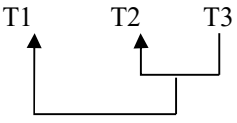

Ví dụ:

máy	*hái*	*chè*
giặm	*cây*	*non*

* Mô hình 3.2. Đây là mô hình có cấu trúc 2 bậc.

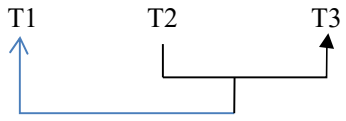

Ví dụ:

bọ	*ba*	*khoang*
bọ	*không*	*gai*

Có 105 cụm từ (6.16%) cấu tạo theo mô hình này.

* Mô hình 3.3: Đây là mô hình có cấu trúc 2 bậc.

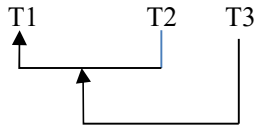

Ví dụ:

cây	*gỗ*	*nhỏ*
búp	*mù*	*xòe*

Có 58 cụm từ (3.4%) có cấu tạo theo mô hình này.

* Mô hình 3.4: Là mô hình có cấu trúc 2 bậc.

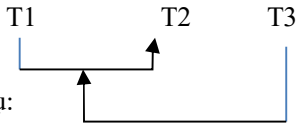

Ví dụ:

Lan Đình	*trà*	*cao cấp*
Lan Đình	*trà*	*nhài*

Chỉ có 5 cụm từ (0.29%) cấu tạo theo mô hình hai bậc này: *Lan Đình trà cao cấp, Lan Đình trà nhài và Lan Đình trà sen…*

Nhìn chung, cụm từ nghề chè gồm 3 thành tố chủ yếu được cấu tạo theo mô hình 3.1 (chiếm 31.18%). Và mô hình 3.5 được sử dụng ít nhất (0.29%).

Cấu tạo của các đơn vị chỉ nghề chè trong tiếng Việt là cụm từ 4 thành tố

Khảo sát 1534 cụm từ, chúng tôi xác định có 245 cụm từ có cấu tạo bốn thành tố. Đó là các cụm từ kiểu: *lá búp cuốn trong, hạt chè hình tam giác, đọt chè có búp, lá mầm teo rụng, bấm ngọn lần hai, chè Bát Tiên loại 1, chè Phúc Vân Tiên loại 1, chè ta loại 2, chè Thái loại đậm đà, green tea 5 star,…*

Xét về từ loại: các loại đơn vị này không có cụm tính từ, chỉ có 53 đơn vị, chiếm 27.6% là cụm động từ (*bấm ngọn lần hai, chọn cành cắm hom, trồng dặm cây chết,…*) còn lại là cụm danh từ - 192 đơn vị, chiếm 72,4% (*chè Trung du loại khá, trà Tân Cương lộc xuân, chè Phúc Vân Tiên loại 1,…*)

Xét về nguồn gốc: Có 204 cụm từ thuần Việt: *đọt chè có búp, lá mầm teo rụng, bấm ngọn lần hai, ...;* Có 40 cụm từ được tạo bởi sự kết hợp của cả thành tố thuần Việt + Hán Việt: *trà Tân Cương lộc xuân, chè trung du loại khá, trà Tân Cương hút chân không,....*

Có 1 cụm từ có nguồn gốc từ các thành tố Ấn Âu: *green tea five star.*

Mô hình cấu tạo cụm từ 4 thành tố: Có 245 cụm từ 4 thành tố được cấu tạo theo 5 mô hình.

* Mô hình 4.1: Đây là mô hình phổ biến nhất cụm từ 4 thành tố. Mô hình này có cấu trúc 2 bậc.

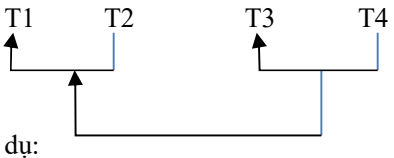

Ví dụ:

trà	*Tân*	*Cương*	*loại*	*một*

Có 105 cụm từ (6.16%) có cấu tạo theo mô hình này.

* Mô hình 4.2: Đây là mô hình có cấu trúc 3 bậc của 61 cụm từ (3.58%).

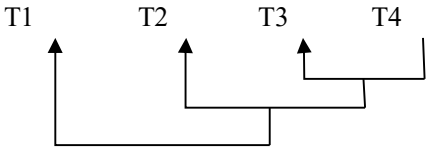

Ví dụ:

tán	*hình*	*suốt*	*chỉ*
máy	*xới*	*cỏ*	*chè*

* Mô hình 4.3: Là mô hình có cấu trúc 2 bậc.

Ví dụ:

đất	*Feralit*	*vùng*	*đồi*
hom	*bánh tẻ*	*loại*	*B*

Có 44 cụm từ (2.58%) được tạo thành theo mô hình này.

* Mô hình 4.4: Đây là mô hình có cấu trúc 3 bậc của 20 cụm từ (1.17%).

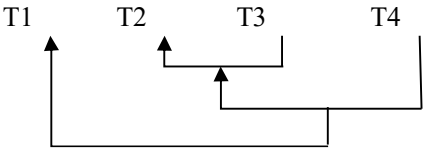

Ví dụ:

trà	*nõn*	*tôm*	*Tân Cương*
chè	*nõn*	*tôm*	*Thái Nguyên*

* Mô hình 4.5: Đây là mô hình có cấu trúc 3 bậc và xuất hiện trong 15 cụm từ (0.88%).

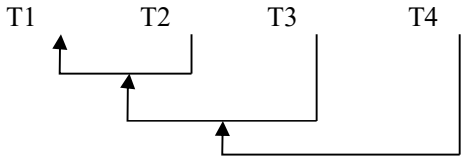

Ví dụ:

chè	*tôm*	*trung du*	*cổ truyền*

Về cấu tạo của cụm từ gồm bốn thành tố, mô hình 4.1, mô hình 4.2 và mô hình 4.3 sản sinh ra nhiều cụm hơn cả. Các kiểu mô hình 4.4, 4.5 chiếm tỉ lệ ít hơn.

Cấu tạo của các đơn vị chỉ nghề chè trong tiếng Việt là cụm từ 5 thành tố

Khảo sát 1534 cụm từ, chúng tôi xác định được 73 cụm từ có cấu tạo gồm năm thành tố. Đó là các cụm từ kiểu như: *lá cá có một tôm, sâu đục thân mình đỏ, khô lá chè hình bánh xe, sâu đục cọng búp chè, cối vò quay vòng kép, hệ thống lọc hút bụi xyclo, chè cành lai loại 1, chè Tân Cương ngon loại 1, trà Tân Cương hương sen thượng hạng, chè Tân Cương hiệu con hạc,…*

Xét về từ loại: tất cả 73 đơn vị này đều là cụm danh từ.

Xét về nguồn gốc: Có 65 cụm từ thuần Việt: *lá cá có một tôm, sâu đục thân mình đỏ, thùng lăn chè xanh viên, chè sen Thái Nguyên hộp giấy,...;* Có 7 cụm từ được tạo từ sự kết hợp của thành tố Hán Việt, thuần Việt (*trà Tân Cương hương sen thượng hạng, trà oolong cao cấp hộp gỗ, trà xanh đặc sản loại X,…*); Có 1 cụm từ được tạo từ sự kết hợp của thành tố Hán Việt, Ấn Âu: *hệ thống lọc hút bụi xyclo.*

Mô hình cấu tạo cụm từ 5 thành tố: 73 cụm từ có 5 thành tố được cấu tạo theo 7 mô hình.

* Mô hình 5.1: Đây là mô hình phổ biến nhất trong số 7 mô hình của cụm từ có 5 thành tố, sản sinh được 23 đơn vị (1.35%). Các thành tố trong mô hình này có quan hệ 3 bậc.

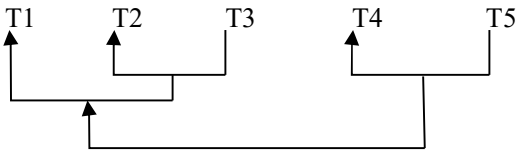

Ví dụ:

sâu đục thân mình đỏ

sâu đục thân mình trắng

* Mô hình 5.2: Là mô hình có cấu trúc 3 bậc.

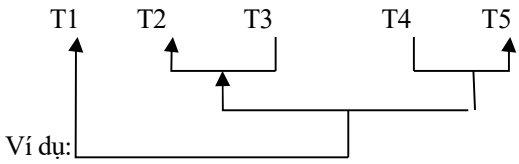

Ví dụ:

máy phân loại chè bồn tầng

Có 19 cụm từ được cấu tạo theo kiểu mô hình này (1.11%).

* Mô hình 5.3: Là mô hình có cấu trúc 3 bậc.

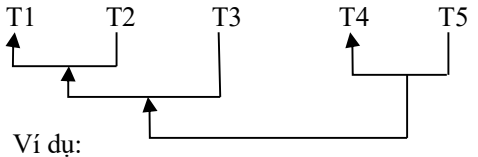

Ví dụ:

chè sen Thái Nguyên hộp giấy

cối vò quay vòng kép

Có 12 cụm từ (0.70%) được cấu tạo theo mô hình này.

* Mô hình 5.4: Là mô hình có cấu trúc 3 bậc.

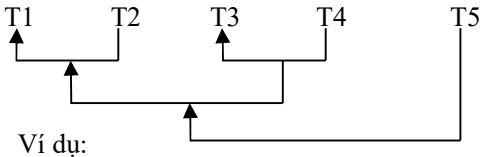

Ví dụ:

trà Tân Cương hương sen thượng hạng

Có 8 cụm từ (0.47%) được tạo thành theo mô hình này.

Mô hình 5.5: Là mô hình có cấu trúc 3 bậc.

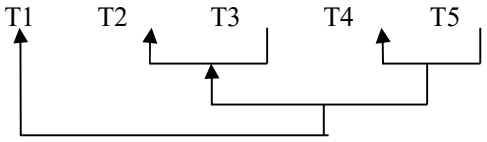

Ví dụ:

máy làm tơi chè vò

Mô hình này xuất hiện trong 7 cụm từ (0.41%).

* Mô hình 5.6: Là mô hình có cấu trúc 3 bậc.

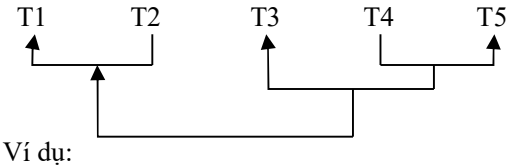

Ví dụ:

lá cá có một tôm

Có 3 cụm từ (0.17%) được cấu tạo theo mô hình này.

* Mô hình 5.7: Là mô hình có cấu trúc 3 bậc.

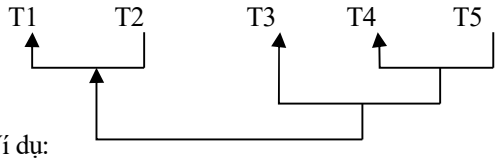

Ví dụ:

chè Tân Cương hiệu con hạc

Có 1 cụm từ (0.06 %) được tạo thành theo mô hình này.

Như vậy, mô hình 5.1 là mô hình cấu tạo phổ biến nhất của các cụm từ nghề chè có cấu tạo là cụm từ 5 thành tố. Nhưng sự chênh lệch tỉ lệ giữa các mô hình 5.1, 5.2, 5.3, 5.4, là không lớn. Ba mô hình 5.5, 5.6, 5.7 ít được sử dụng. Mỗi mô hình này chỉ chiếm tỉ lệ nhỏ.

Cấu tạo của các đơn vị chỉ nghề chè trong tiếng Việt là cụm từ 6 thành tố

Chúng tôi thống kê được 36 đơn vị có cấu tạo là cụm từ gồm 6 thành tố. Đó là các cụm từ: *nuôi cành chè thành hom giâm, bọ đỏ cánh cứng ăn lá, cân đóng bao tự động 2 phễu, trà Tân Cương đóng túi ni lông xanh,...*

Xét về từ loại: tất cả 36 đơn vị đều là cụm danh từ.

Xét về nguồn gốc: Có 26 cụm từ thuần Việt: *nuôi cành chè thành hom giâm,...* Có 9 cụm

từ được tạo từ sự kết hợp của thành tố thuần Việt, Hán Việt: *cân đóng bao tự động 2 phễu, cân đóng bao tự động 1 phễu,…*

Có 1 cụm từ được tạo từ sự kết hợp của thành tố Hán Việt, Ấn Âu: *trà Tân Cương đóng túi ni-lông xanh…*

Mô hình cấu tạo cụm từ 6 thành tố: Chúng tôi xác định được 36 cụm từ sáu thành tố được cấu tạo theo 5 mô hình sau đây:

* Mô hình 6.1: Đây là mô hình có cấu trúc 4 bậc.

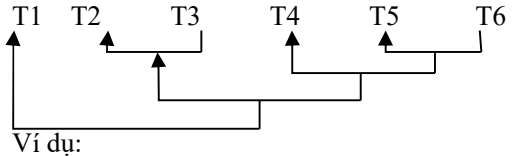

Ví dụ:

khô lá chè hình bánh xe

Có 14 cụm từ (0.83%) cấu tạo theo mô hình này.

* Mô hình 6.2: Đây là mô hình có cấu trúc 3 bậc của 9 cụm từ (0.53%).

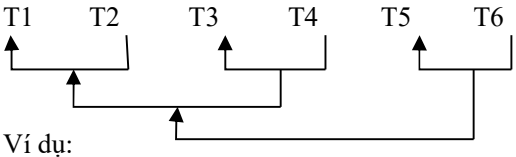

Ví dụ:

bọ đỏ cánh cứng ăn lá

* Mô hình 6.3: Là mô hình có cấu trúc 4 bậc.

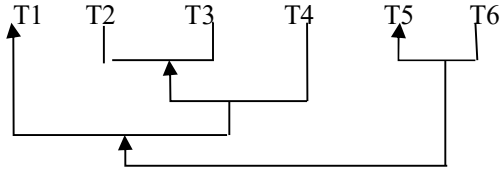

Ví dụ:

hệ thống lọc hút bụi nghiền chè

Có 6 cụm từ (0.35%) được cấu tạo theo mô hình này.

* Mô hình 6.4: Là mô hình có cấu trúc 4 bậc.

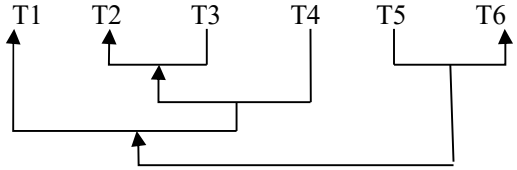

Ví dụ:

máy sấy lại chè 200 vỉ

Có 5 cụm từ (0.29%) được cấu tạo theo mô hình này.

* Mô hình 6.5: Là mô hình có cấu trúc 3 bậc.

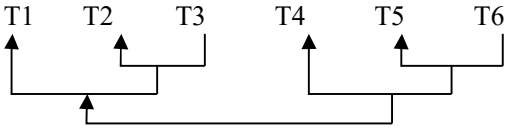

Ví dụ:

nuôi cành chè thành hom giâm

Theo mô hình 3 bậc này chỉ có 2 cụm từ được tạo thành (0.12%).

Cụm từ gọi tên nghề chè trong tiếng Việt gồm từ 7 thành tố trở lên có số lượng ít: 7 thành tố có 4 cụm từ: *máy liên hợp làm héo hấp chè tươi, tủ sấy hương chè 9 tầng khay, tủ sấy hương chè 10 tầng khay, trà Tân Cương ướp hoa nhài tự nhiên hút chân không;* 8 thành tố có 2 cụm từ: *trà Tân Cương Thái Nguyên ướp hoa sói túi hút chân không, trà Tân Cương ướp hoa sói đóng gói túi bạc;* 9 thành tố có 2 cụm từ: *trà Tân Cương Thái Nguyên ướp hoa cúc tự nhiên đóng túi bạc, trà Tân Cương Thái Nguyên ướp hoa cúc túi hút chân không.*

Chúng tôi không miêu tả và phân tích mô hình cấu tạo này vì tính đơn nhất, không có khả năng sản sinh của chúng.

KẾT LUẬN

Từ ngữ nghề chè có cấu tạo là từ chiếm 10.08% (172/1706 từ ngữ). Trong đó, số đơn vị là từ đơn chiếm 7.85% (134/1706) và đơn vị là từ ghép chiếm 2.23% (38/1706). Các từ đơn đều là từ đơn đơn âm, không xuất hiện từ đơn đa âm trong từ ngữ nghề chè. Các từ đơn này chủ yếu là từ thuần Việt. Các từ ghép (38 từ) hầu hết là từ ghép chính phụ: 31/38, chiếm 1,81%, được cấu tạo theo mối quan hệ phụ trước chính sau. Từ ghép đẳng lập chỉ có 07/38 đơn vị, chiếm 0.41%. Về mặt từ loại, từ ngữ nghề chè trong tiếng Việt có cấu tạo là từ chủ yếu là danh từ và động từ dùng để gọi tên sự vật, đồ vật, máy móc, các bộ phận của cây chè, các loại đất, giống chè, sâu bệnh, sản phẩm chè và các hoạt động chăm sóc, thu hái, chế biến, phân phối, thưởng thức chè.

Các đơn vị định danh nghề chè trong tiếng Việt có cấu tạo là cụm từ chiếm 89.92% (1534/1706). Dựa trên số lượng thành tố tham gia cấu tạo cụm từ, chúng được chia thành các nhóm: cụm từ hai thành tố; cụm từ ba thành tố; cụm từ bốn thành tố; cụm từ năm thành tố; cụm từ sáu thanh tố; v.v… Trong đó, cụm từ gồm hai thành tố chiếm 27.43% (468 đơn vị) và ba thành tố chiếm 41.03% (700 đơn vị). Đặc biệt, cụm từ có từ sáu thành tố trở lên chỉ chiếm một số lượng rất nhỏ. Về mặt từ loại, cụm danh từ chiếm số lượng lớn (79.18 %), cụm động từ chỉ chiếm 10.02% và cụm tính từ có tỷ lệ không đáng kể: 0.72 %. Về cách cấu tạo, tuyệt đại đa số cụm từ có cấu tạo chủ yếu theo mô hình chính phụ: thành tố chính đứng trước, thành tố hoặc tổ hợp thành tố phụ đứng sau. Mô hình cấu tạo phổ biến này đã làm nên tính hệ thống về cấu tạo của từ ngữ nghề chè trong tiếng Việt nói riêng, từ nghề nghiệp trong tiếng Việt nói chung. Đặc điểm cấu tạo của từ ngữ nghề chè trong tiếng Việt khá giống với cách cấu tạo từ của ngôn ngữ toàn dân. Bên cạnh đó, đặc trưng trong hoạt động sản xuất cùng với thói quen tư duy, đặc thù văn hóa khiến cho từ ngữ nghề chè mang những sắc thái và nét độc đáo riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (2006), *Ngữ pháp tiếng Việt (tập 2),* Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Đỗ Hữu Châu (1999), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Nguyễn Thiện Giáp (1985), *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
4. Lê Tất Khương (chủ biên), Hoàng Văn Chung, Đỗ Ngọc Oanh (1999), *Giáo trình cây chè*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
5. Nguyễn Như Ý, Hà Quang Năng, Đỗ Việt Hùng, Đặng Ngọc Lệ (1998), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

SUMMARY

STRUCTURAL CHARATERISTICS OF CRAFT TEA VOCABULARY IN VIETNAMESE

Le Thi Huong Giang*
TNU - University of Education

The article deals with the term tea name in Vietnamese in terms of structure. Structurally, it is possible to distinguish tea vocabulary into two groups: words (single and compound words) and phrases. The word group (single word and compound word) in the tea industry is mostly the common vocabulary of the Vietnamese language, for example: *tea, worm, aphids, sieve, pan, bud, leaf, pick,…* The least of the grafts originated mainly Han Vietnamese origin (*hong tra, tan tra, bach tra, fine, top grade,...*). Phrases of the tea industry are composed of secondary subordinate phrases that account for a relatively high proportion. Phrases are often made up of many elements, which are provisional, that exist only in a particular context. They have the function of identifying through descriptive elements.

Keywords: *characteristics, structure, words, craft tea, Vietnamese.*

Ngày nhận bài: 08/5/2018; Ngày phản biện: 14/06/2018; Ngày duyệt đăng: 28/9/2018

* *Tel: 0989090076; Email: lehuonggiang.dhsptn@gmail.com*